

Bản án số: **233/2026/HSST**

Ngày: 30/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Kế Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà Phạm Thị Mai Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại Trụ sở tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 174/2026/HSST, ngày 05 tháng 3 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2026/HS-QĐ ngày 12/3/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Trường T**, Sinh ngày: 11 tháng 10 năm 1979. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Nơi thường trú: **Thôn C, xã B, thành phố Hà Nội**. Nơi ở hiện tại: **Số nhà B, ngõ D Đường P, phường X, thành phố Hà Nội**. Không tham gia Đảng phái chính trị, đoàn thể nào. Bố đẻ: Ông **Phạm Văn H**, mẹ đẻ: Bà **Nguyễn Thị T1**; Vợ: Chị **Nguyễn Thị Hương L** có 02 con chung. Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Công ty CP E**

Địa chỉ: **Số B phố T, phường K, thành phố Hà Nội**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Cảnh H1** – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Vũ H2**, ông **Bùi Sơn H3**. (Có mặt)
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Vũ Thị H4**, sinh năm 1985.
Nơi TT: P208 tập thể **trường T3, tổ D phường Y, thành phố Hà Nội**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ tháng 01/2024 đến 31/3/2025, **Phạm Trường T** được **Công ty cổ phần E** phân công làm thủ kho vật tư dự án xây dựng trụ sở Cục An ninh điều tra – **Bộ C** tại địa chỉ **phố T, phường Y, quận C, TP Hà Nội** (gọi tắt là dự án **A**). [BL số 177]

Theo quy định của Công ty, **T** có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm đếm chi tiết vật tư được chuyển từ nhà máy đến công trường và ký nhận vào Phiếu xuất kho. Sau khi kiểm đếm đầy đủ, **T** tiến hành nhập số liệu vào file “Sổ kho A09- BCA” trên máy tính cá nhân và gửi lên nhóm zalo để anh **Vũ Duy N** - Chỉ huy trưởng cùng theo dõi. Đối với các vật tư nhỏ như ốc vít, bu lông, **T** chuyển vật tư vào trong kho có diện tích khoảng 40m² tại dự án A09/22, chìa khóa kho có 2 chiếc do **T** và anh **N** quản lý. Đối với các vật tư có khối lượng nặng, chiều dài lớn như lam nhôm, ốp nhôm được để trong khuôn viên của dự án, **T** có trách nhiệm quản lý toàn bộ số vật tư này. Trước khi nhận vật tư, tổ đội thi công phải lập phiếu đề nghị cấp vật tư và đưa cho **T**. Tuy nhiên, trên thực tế, chỉ đối với các vật tư nhỏ, **T** mới yêu cầu lập phiếu còn đối với các vật tư có khối lượng nặng, chiều dài lớn thì **T** không lập phiếu giao nhận vật tư mà chỉ thông báo cho các tổ đội thi công lấy đủ số lượng vật tư theo hồ sơ thiết kế dưới sự giám sát của **T**.

Do quá trình sản xuất, thông thường nhà máy sản xuất vật tư dài hơn theo thiết kế để đảm bảo không bị thiếu chiều dài vật tư nên khi thi công, các tổ đội thi công có trách nhiệm chủ động cắt phần thừa, thu gom và chuyển lại vào kho để **T** quản lý, khi cần sử dụng phần thừa thì báo để **T** cấp phát.

Ngày 20/2/2025, **Công ty cổ phần F** - nhà thầu chính của dự án A09/22 yêu cầu Ban chỉ huy công trường của **Công ty cổ phần E**, trả lại mặt bằng, **T** thấy trong kho có nhiều dece (là những phần còn lại của vật tư sau quá trình sản xuất và được đánh giá là có thể sử dụng lại cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty) nên đã nảy sinh ý định bán kiếm lời để hưởng lợi cá nhân. Ngày 28/02/2025, **Phạm Trường T** gọi điện cho **Vũ Thị H4** làm nghề thu mua phế liệu đến để mua bán số vật tư gồm: 2.039m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD47 #OB-3600. 1.450m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD11A-K24#ON. 1.233m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn,

bóng; Mã vật tư: VMD11A-K16#ON. 4.294m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD13A-K27#ON. 1.282m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD3A-K14#ON. 21.152m² ốp nhôm độ dày 1,2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD11A1. 746 mét dài L1 dùng nhôm Eurowindow, SA212V/Sơn bột tĩnh điện, ngoài trời, màu trắng, độ bóng 25-25%, interpon D1036, AAMA 2603; Mã vật tư: 1.02.EAA09L4-5-8-0915. 11.284m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022; Mã vật tư: OP-1583. 8.039m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022; Mã vật tư: OP-1583.

Sau khi cân xong, H4 báo với T tổng trọng lượng vật tư là khoảng 450kg nhôm, đơn giá nhôm dao động từ 75.000 đồng - 80.000 đồng/kg tùy loại. T đồng ý và yêu cầu H4 chuyển tiền vào số tài khoản 1017798399999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q của T số tiền 35.353.000 đồng. Chuyển tiền xong, H4 vận chuyển toàn bộ số vật tư mua được về nhà, sau đó H4 đã bán lẻ hết số vật tư nêu trên. T sau khi nhận tiền bán vật tư đã sử dụng để thanh toán thẻ tín dụng 9.434.556 đồng, đóng tiền học cho con 5.900.000 đồng, chuyển tiền sinh hoạt gia đình cho chị Nguyễn Thị Hương L 15.000.000 đồng, còn lại hơn 5.000.000 đồng, T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/3/2025, anh Vũ Duy N - Chỉ huy trưởng công trình dự án A09/22 phát hiện sự việc Thịnh bán số vật tư của dự án nên đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1760/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Thành phố - UBND Thành phố H kết luận: [BL số 82] “- 2.039m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD47 #OB-3600; Giá trị: 1.558.036 đồng. 1.450m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD11A-K24#ON; Giá trị: 1.107.765 đồng. 1.233m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD11A-K16#ON; Giá trị: 942.010 đồng. 4.294m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD13A-K27#ON; Giá trị: 3.280.280 đồng. 1.282m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD3A-K14#ON; Giá trị: 979.346 đồng. 21.152m² ốp nhôm độ dày 1,2mm, sơn tĩnh điện Ral7022, sơn bột nhẵn, bóng; Mã vật tư: VMD11A-1; Giá trị: 12.567.358 đồng. 746 mét dài L1 dùng nhôm Eurowindow, SA212V/Sơn bột tĩnh điện, ngoài trời, màu trắng, độ bóng 25-25%, interpon D1036, AAMA 2603; Mã vật tư: 1.02.EAA09L4-5-8-0915; Giá trị: 31.233.389 đồng. 11.284m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022; Mã vật tư: OP-

1583; Giá trị: 8.545.684 đồng. 8.039m² ốp nhôm độ dày 2mm, sơn tĩnh điện Ral7022; Mã vật tư: OP-1583; Giá trị: 6.088.208 đồng.”

Tổng giá trị tại thời điểm 28/02/2025 của các tài sản trên là **66.302.076 đồng**.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, **Phạm Trường T2** đã khai báo thành khẩn, tự nguyện cung cấp các bản sao kê tài khoản ngân hàng của **T** và vợ **Nguyễn Thị Hương L**, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Ngày 13/8/2025, **T** đã đến làm việc với **Công ty cổ phần E** để xin khắc phục hậu quả do hành vi sai phạm của mình. Sau khi trừ các khoản tiền lương và chế độ của **T**, **Công ty CP E** đã yêu cầu **T** khắc phục số tiền là 50.540.156 đồng. **T** đã khắc phục toàn bộ số tiền nêu trên cho **Công ty cổ phần E**. Hiện, **công ty E** không có yêu cầu bồi thường. [BL số 55]

Đối với **Vũ Thị H4** không biết nguồn gốc số vật tư do **Phạm Trường T** bán là của **Công ty cổ phần E**, không bàn bạc với **T** để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với **Nguyễn Thị Hương L** không bàn bạc với **T** về việc chiếm đoạt tài sản của **Công ty cổ phần E**, không biết số tiền 15.000.000 đồng **T** đưa có nguồn gốc từ đâu nên cơ quan điều tra không xử lý.

Bản Cáo trạng số 351/CT-VKSKV4 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 truy tố bị cáo **Phạm Trường T** về tội “*Tham ô tài sản*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo: **Phạm Trường T** từ 26 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 52-60 tháng.

Không áp dụng dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Về Trách nhiệm Dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không còn yêu cầu gì khác.

Vật chứng: Không.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Từ tháng 01/2024 đến 31/3/2025, **Phạm Trường T** là Thủ kho dự án tại trụ sở Cục An ninh điều tra - **Bộ C** do **Công ty cổ phần E** là nhà thầu thi công, lắp đặt thiết bị. Ngày 28/02/2025, **Phạm Trường T** đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ được giao trong quản lý vật tư tại công trình để thực hiện hành vi bán 450kg nhôm các loại trị giá **66.302.076 đồng** của dự án, thu lợi bất chính số tiền **35.353.000 đồng**. Hiện, **Phạm Trường T** đã khắc phục toàn bộ trị giá vật tư thiệt hại cho **Công ty cổ phần E**. **Công ty cổ phần E** đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo **T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo **T** là xâm hại uy tín và tính đúng đắn của người quản lý tài sản, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của cơ quan tổ chức. Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn tiếp cận, quản lý tài sản khi được giao nhiệm vụ. Bị cáo có hành vi chiếm đoạt số tiền **66.302.076 đồng** khi bị cáo có trách nhiệm trong coi quản lý tài sản cho công ty. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **T** thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nhân thân chưa tiền án tiền sự, đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính. Do vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm

tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo đã được phân tích ở trên. Hội đồng xét xử thấy Bị cáo **T** có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy cần mở lượng khoan hồng cho bị cáo cơ hội, làm lại sau lầm lỗi nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành người có ích trong xã hội, giao Bị cáo về chính quyền địa phương, nơi Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục Bị cáo, là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án từ 26 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là đánh giá đầy đủ tính chất mức độ hành vi cũng như nhân thân, hoàn cảnh, nhận thức về hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó cần xử mức án như đề nghị của Viện kiểm sát cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 353, Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Trường T** 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho **U**, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Khoản 1,4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo **T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật;

Nơi nhân:

- Bị cáo, bị hại, Người LQ;
- TT lý lịch-Sở tư pháp Tp HN;
- VKSND Khu vực 4.
- VKSND thành phố Hà Nội
- TAND thành phố Hà Nội
- Công an TP Hà Nội
- Phòng THADS Khu vực 4 ;
- Lưu HS-VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Kế Hiền